

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 707/2025/DS-PT
Ngày: 24-11-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Ngọc Yến

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương, *Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh, *Kiểm sát viên.*

Ngày 24 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 486/2025/DS-PT ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 699/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Ấp C, xã C, tỉnh Tây Ninh. (Địa chỉ cũ: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Bá T, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số A, Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh. (Địa chỉ cũ: 170, tổ A, Khu phố H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An) (văn bản uỷ quyền ngày 19/8/2025). Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1966. Có mặt.

2.2. Bà Phạm Thị E, sinh năm 1966. Có mặt.

Nơi đăng ký thường trú: ấp B, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Chỗ ở hiện nay: số G ấp Đ, xã C, tỉnh Tây Ninh. (Địa chỉ cũ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An).

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Phạm Thị E, ông Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/8/2022, ông L có cho ông M vay số tiền 300.000.000 đồng, không lập giấy vay tiền, không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay là để sử dụng kinh doanh trong gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông M không thanh toán lãi như thỏa thuận, ông L nhiều lần liên hệ yêu cầu ông M thanh toán nhưng không có kết quả. Ngày 09/8/2024, ông M viết “giấy hẹn trả nợ” với nội dung thừa nhận nợ ông L số tiền vốn là 300.000.000 đồng, hứa thanh toán tiền vốn và tiền lãi là 100.000.000 đồng trong thời gian 05 tháng tính từ ngày 09/8/2024 nhưng sau đó vẫn không thực hiện nên ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông M bà E liên đới thanh toán cho ông L số tiền vốn vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 09/8/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đến Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/6/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị E trình bày: bà và ông M là vợ chồng hợp pháp, hôn nhân vẫn đang tồn tại. Việc ông M vay tiền của ông L bà không biết, ông M sử dụng tiền vay để chi xài cá nhân nên bà không đồng ý liên đới cùng ông M trả tiền cho ông L.

Tại Bản án sơ thẩm số 07/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Tấn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E.

Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Tấn L số tiền vay còn nợ vốn và lãi là 387.583.000 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2025, bà Phạm Thị E, là bị đơn trong vụ án, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc bà có nghĩa vụ liên đới với ông M trả nợ cho ông L.

Ngày 23/7/2025, ông Trần Văn M, là bị đơn trong vụ án, có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt cho ông, việc tổng đạt không hợp lệ; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc bà E chịu trách nhiệm liên đới với ông, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi buộc ông trả tiền lãi 87.583.000 đồng vì ông đã trả cho ông L 150.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Ông có mượn tiền của ông Nguyễn Tấn L và thời điểm mượn là năm 2024, không phải là năm 2021. Ông L trình bày số tiền đó là vay để tiêu dùng cho gia đình là không đúng. Ông xác định việc ký giấy nợ là do bị ép ký, không phải do ông tự nguyện. Ông đề nghị được trả dần tiền vốn và không chấp nhận trả lãi.

Bị đơn bà E giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà không biết ông M vay số tiền này để làm gì. Đây là tiền phía nguyên đơn cho vay nặng lãi. Bà không biết về khoản vay nên không đồng ý liên đới trả nợ. Bà cũng không ký tên vào bất kỳ giấy mượn nợ nào.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị E và ông Trần Văn M nộp trong thời hạn luật định, về hình thức và nội dung đơn đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Về thủ tục tổng đạt của cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 174, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông M đã nhận được bản án và thực hiện quyền kháng cáo. Ông M cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông M về tiền lãi phải trả cho ông L, thấy rằng: Ông M cho rằng đã trả cho ông L tiền lãi tổng cộng 150.000.000 đồng nhưng ông M cũng thừa nhận không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc trả tiền lãi, phía ông L không thừa nhận có nhận số tiền lãi như ông M trình bày nên không có căn cứ xem xét. Hơn nữa, tại “Giấy hẹn nợ” ngày 09/8/2024 có ghi nội dung ông M không đóng lãi cho ông L 02 năm trước khi viết giấy hẹn nợ. Do đó, việc ông M cho rằng có trả tiền lãi là không có cơ sở. Ông L cho rằng nội dung này không đúng nhưng do ông bị ép buộc phải ký tên, ông M trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Xét kháng cáo của ông M, bà E về trách nhiệm liên đới của bà E, thấy rằng: khoản tiền 300.000.000 đồng ông M vay của ông L theo “Giấy hẹn nợ” ngày 09/8/2024 phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông M, bà E. Ông M cho rằng số tiền này ông M vay để đánh bạc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài số tiền vay của ông L, ông M còn vay tiền của nhiều người, cũng đang khởi kiện ông bà. Bà E xác định vợ chồng bà kinh doanh chung nghề cho thuê xà lan, năm 2022 vợ chồng bà vẫn còn sống chung, ông M phụ giúp bà việc kinh doanh, mọi khoản chi phí sinh hoạt trong gia đình đều do bà E thực hiện; trước đây, ông M cũng đã từng nhiều lần vay tiền của ông L. Do đó, cấp sơ thẩm xác định khoản nợ ông M vay của ông L 300.000.000 đồng là nợ chung của vợ chồng, buộc bà E liên đới cùng ông M trả tiền cho ông L là đúng quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông M, bà E.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Phạm Thị E, ông Trần Văn M là không có cơ sở chấp nhận. Ông M, bà E kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí: do kháng cáo của bà Phạm Thị E, ông Trần Văn M không được chấp nhận nên bà Phạm Thị E, ông Trần Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị E, ông Trần Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2025/DS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Tây Ninh.

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Tấn L về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E.

2. Buộc ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Tấn L số tiền vay còn nợ vốn và lãi là 387.583.000 đồng (ba trăm tám mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: ông Trần Văn M và bà Phạm Thị E phải liên đới chịu 19.379.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Nguyễn Tấn L 11.187.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0018469 ngày 15/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức (nay là Phòng thi hành án khu vực 6).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0001505 ngày 23 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Bà Phạm Thị E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0000405 ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 6 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh TN;
- Phòng GD, TT, KT&THA.TANDTTN;
- Lưu. hồ sơ, lưu trữ, tập án.

Võ Thị Hồng Mai